

QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGÔN NGỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ TỪ NĂM 1930 ĐẾN NAY*

Đoàn Văn Phúc^a

Đinh Thị Hằng^b, Nguyễn Minh Hoạt^c

^a Viện Ngôn ngữ học

Email: phuc_1952@hotmail.com

^b Viện Ngôn ngữ học

Email: xuongrong88@gmail.com

^c Đại học Tây Nguyên

Email: minh.hoat163@gmail.com

Ngày nhận bài: 24/4/2019

Ngày phản biện: 8/5/2019

Ngày tác giả sửa: 12/5/2019

Ngày duyệt đăng: 15/5/2019

Ngày phát hành: 21/6/2019

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/296>

Bài viết hệ thống hóa các chủ trương của Đảng (từ năm 1930), chính sách của Nhà nước ta (từ năm 1945) đến nay đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số. Nội dung cơ bản chủ trương, chính sách đó được thể hiện qua việc: Thừa nhận và đảm bảo về mặt pháp lý quyền có ngôn ngữ riêng của tất cả các dân tộc, cũng như việc giảng dạy tiếng dân tộc thiểu số (DTTS) được thực hiện song song với giáo dục tiếng Việt trong nhà trường phổ thông, ở các cơ sở giáo dục cũng như các cấp học, bậc học. Bài viết đồng thời cũng nêu một số vấn đề đặt ra đối với việc tổ chức thực hiện Quyết định số 53-CP, ngày 22 tháng 2 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ về chủ trương đối với chữ viết của các DTTS hiện nay.

Từ khóa: Chính sách ngôn ngữ; Giáo dục ngôn ngữ; Giáo dục song ngữ; Giáo dục tiếng mẹ đẻ; Ngôn ngữ dân tộc thiểu số.

1. Dẫn nhập

Từ năm 1930 (khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời) đặc biệt là từ năm 1945 (khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập) đến nay, có rất nhiều công trình nghiên cứu về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số (DTTS) ở các thời kỳ, giai đoạn lịch sử khác nhau của rất nhiều tác giả trong và ngoài nước. Tuy nhiên, tùy theo cách tiếp cận cũng như phương pháp, thủ pháp nghiên cứu cùng nguồn tư liệu mà các công trình đưa lại cho người đọc những kết quả nghiên cứu khác nhau. Bài viết tổng kết, đánh giá các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta đối với ngôn ngữ các DTTS từ năm 1930 đến nay. Những tư liệu văn bản này bao gồm¹:

- Các Văn kiện của Đảng từ năm 1930 đến nay;
- Các văn bản của Nhà nước, Chính phủ: Bản Hiến pháp các năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013; các bộ luật; các văn bản quy phạm pháp luật khác

¹. Các tư liệu văn bản trên được chúng tôi thu thập từ Văn kiện Đảng đã được xuất bản, từ kho lưu trữ của Cục lưu trữ quốc gia, từ các Bộ, Ban, Ngành trung ương đến các địa phương cùng với kho lưu trữ của nhiều Chi cục văn thư lưu trữ của các tỉnh, cũng như từ nhiều cơ quan công quyền các địa phương.

của các bộ, ban, ngành Trung ương, các cấp ủy và chính quyền địa phương trong cả nước.

Ngoài ra, còn có các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và cơ quan công quyền các cấp cùng các văn bản về những thành quả đã đạt được trong quá trình tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách trên.

2. Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số từ năm 1930 đến nay

Khảo sát hơn 1000 văn bản các loại cho thấy nội dung cơ bản chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với ngôn ngữ DTTS được thể hiện ở các nội dung cụ thể:

2.1. Thừa nhận và đảm bảo về mặt pháp lý quyền có ngôn ngữ riêng của tất cả các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam

Các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước ta đối với ngôn ngữ các DTTS luôn được coi là chủ trương có tính chất chiến lược, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc. Ở mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể, vấn đề dân tộc chủ yếu là giải

* Bài viết là sản phẩm của đề tài độc lập cấp quốc gia: “Nghiên cứu hoàn thiện chính sách, pháp luật đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số vì sự phát triển bền vững của đất nước”, mã số: ĐTĐLXH - 07/18.

quyết hài hoà lợi ích giữa các dân tộc (ethnic) với nhau, giữa lợi ích của từng dân tộc với lợi ích chung của quốc gia (nation), làm cho các dân tộc phát triển trong một đất nước vì mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh; xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”.

Những quan điểm và chủ trương, nội dung cụ thể về ngôn ngữ DTTS của Đảng ta đã được đề cập trong các văn kiện của Đảng, trong Nghị quyết các kỳ Đại hội toàn quốc, các Nghị quyết Trung ương, các Chỉ thị, Thông báo,... Đảng và Nhà nước luôn tạo mọi điều kiện để các dân tộc có thể sử dụng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trong các phạm vi và lĩnh vực giao tiếp khác nhau của đời sống xã hội. Trên nguyên tắc tự nguyện và tôn trọng sự phát triển bình đẳng, tự do của các ngôn ngữ dân tộc anh em, Đảng và Nhà nước có chủ trương, chính sách khuyến khích các DTTS học tiếng Việt, đưa tiếng Việt thành ngôn ngữ giao tiếp chung giữa các dân tộc và trở thành ngôn ngữ quốc gia, là phương tiện đoàn kết, củng cố và thống nhất các dân tộc trên đất nước ta. Đảng, Nhà nước luôn tôn trọng và chú ý bảo tồn, phát huy vai trò của ngôn ngữ và văn hóa DTTS. Cụ thể là các văn bản: Nghị quyết Đại hội Đảng (2/1952) về quyền bình đẳng, về nghĩa vụ, quyền lợi cũng như đoàn kết các dân tộc để kháng chiến kiến quốc, đặc biệt vấn đề sử dụng tiếng mẹ đẻ để thực hiện giáo dục ở vùng DTTS; Văn kiện Đảng toàn tập, tập 9 về chủ trương, chính sách DTTS của Đảng. Đó còn là các Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc cùng các Nghị quyết của các kỳ Đại hội lần thứ III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII; Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 15/11/1977 “Về công tác dân tộc ít người ở các tỉnh miền Nam trong tình hình hiện nay” khi áp dụng Quyết định số 153-CP ngày 20/8/1969 của Chính phủ cho phù hợp với tình hình miền Nam; Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; ...

Bên cạnh đó, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước Việt Nam đều thể hiện rõ nguyên tắc này. Trong các bản Hiến pháp, các bộ Luật về giáo dục, văn hóa,... Tại Điều 3 Hiến pháp 1946 chỉ rõ: “Các dân tộc có quyền duy trì hoặc sửa đổi phong tục tập quán, dùng tiếng nói, chữ viết, phát triển văn hóa dân tộc của mình” và Điều 66: “Quốc dân thiểu số có quyền dùng tiếng nói của mình trước Tòa án”. Đặc biệt, Điều 3 Hiến pháp 1959 khẳng định: “Các dân tộc có quyền duy trì hoặc sửa đổi phong tục tập quán, dùng tiếng nói, chữ viết, phát triển văn hóa dân tộc của mình” và Điều 102: “Tòa án nhân dân đảm bảo cho công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thuộc các dân tộc thiểu số có thể dùng tiếng nói và chữ viết của mình trước Tòa án”. Những điều đó cũng được khẳng định lại trong các bản Hiến pháp 1980, 1992, và bản Hiến pháp sửa đổi 2013. Đó là: “Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng

tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình”, và Điều 42 khẳng định: “Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp”.

Trên cơ sở Hiến pháp, tất cả các các Bộ luật, Lệnh, Pháp lệnh, Sắc lệnh,... các văn bản dưới luật của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam các cấp đều thể hiện rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta là: Thừa nhận và đảm bảo về mặt pháp lý quyền có ngôn ngữ riêng của tất cả các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam².

Kết quả là, hàng chục bộ chữ viết của các DTTS như: Mèo (Mông), Tày - Nùng, Mường, Gia-rai, Ba-na, Cơ-ho, Mạ, Chu-ru, Ê-đê, Mnông, Pa-cô - Ta-ôi, Vân Kiều, Cơ-tu, Xơ-đăng, Chăm, Raglai,... được xây dựng, cải tiến, sửa đổi và đưa vào sử dụng trong thực tiễn (giao tiếp, giáo dục, truyền thông,...) của cư dân các DTTS.

2.2. Giảng dạy tiếng dân tộc thiểu số song song với giáo dục tiếng Việt

Các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đều chỉ rõ: Việc giảng dạy tiếng DTTS được thực hiện song song với giáo dục tiếng Việt trong nhà trường phổ thông, ở các cơ sở giáo dục cũng như các cấp học, bậc học theo quy định của Chính phủ. Khi đất nước đang còn trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, Chỉ thị ngày 16/8/1952 của Ban Bí thư đã chỉ rõ: “Phát triển Bình dân học vụ, dạy cho đông bào biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ và tùy từng nơi, có thể dùng văn quốc ngữ để phiên âm tiếng địa phương, coi đó như một thứ chữ mới của dân tộc thiểu số địa phương, có thể dùng để dạy bằng tiếng mẹ đẻ cho dân tộc đó. Song đồng thời vẫn dạy kèm tiếng phổ thông và chữ quốc ngữ. Đối với những dân tộc đã có chữ riêng như người Thái, v.v. thì cần ra sách, báo, truyền đơn, v.v. bằng chữ riêng của họ để dễ tuyên truyền giác ngộ họ”³, đồng thời nhấn mạnh: “Tôn trọng tiếng nói và chữ viết

² Đó là:

- Các bộ luật liên quan tới giáo dục: Luật phổ cập giáo dục Tiểu học (1991); Luật Giáo dục (1998); Luật Giáo dục (2005); Luật giáo dục sửa đổi (2009); Luật tổ tụng hình sự (1988; sửa đổi: 1990; 1992; 2000); Luật tổ tụng hình sự 2003; số 11/2015/QH13-2015; Luật Dân sự năm 1995 (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 1996); Luật Dân sự Việt Nam 2005 (có hiệu lực kể từ 1 tháng 1 năm 2006); Bộ Luật Dân sự Việt Nam 2015 (có hiệu lực kể từ 1 tháng 1 năm 2017); các Luật Tòa án; Luật báo chí; các Luật xuất bản; Luật Di sản văn hóa; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa,...
- Các Nghị định: Nghị định số 206/CP ngày 27 tháng 11 năm 1961 của Hội đồng Chính phủ về chữ Tày - Nùng, chữ Thái và chữ Mèo; Nghị định số 338/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về thi hành Luật phổ cập giáo dục tiểu học; Nghị định số 82/2010/NĐ-CP Quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; ...

- Các Quyết định: Quyết định 153-CP ngày 20/8/1969 của Hội đồng Chính phủ “về việc xây dựng, cải tiến và sử dụng chữ viết của các dân tộc thiểu số”; Quyết định 53-CP ngày 22/02/1980 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Hội đồng Chính phủ) “Về chủ trương đối với chữ viết của các dân tộc thiểu số”; ...
- Chỉ thị 39/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh công tác văn hoá - thông tin ở miền núi và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số; ...

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị Quốc gia, Tập 13, tr. 242-243.

của các dân tộc. Dân tộc thiểu số nào có sẵn chữ viết rồi thì dùng chữ viết ấy mà dạy trong các trường của họ ở các lớp dưới (cấp I trường phổ thông). Đối với dân tộc không có chữ viết riêng thì dùng chữ quốc ngữ phiên âm tiếng địa phương để dạy học”⁴.

Nghị quyết của Bộ chính trị tháng 8 năm 1952 cũng có nội dung về việc dùng tiếng mẹ đẻ trong giáo dục ở các địa phương có người DTTS. Ở mục 2 “Về văn hoá xã hội” của Chỉ thị số 68/CT-TU ngày 18/4/1991 *Về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*; cũng khẳng định điều này. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khoá VIII (7/1998) chỉ rõ: “Bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc. Đi đôi với việc sử dụng ngôn ngữ, chữ viết phổ thông, khuyến khích thể hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình”.

Các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước cũng luôn thể hiện rõ chính sách đối với việc giáo dục ngôn ngữ DTTS⁵. Còn với các văn bản dưới luật như Nghị định, Quyết định, Thông tư, Thông tư liên tịch, Quyết định của các Bộ, ngành cũng như các văn bản quy phạm pháp luật khác của các cơ quan công quyền địa phương các cấp đều thể hiện rõ các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với vấn đề ngôn ngữ các DTTS⁶. Nghị định 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc dạy tiếng DTTS ở các trường phổ thông, các cơ sở giáo dục thường xuyên. Theo Nghị định này, vấn đề dạy-học tiếng mẹ đẻ cho người DTTS được quy định rõ ràng: Bộ chữ tiếng DTTS được dạy và học trong nhà trường

phải là bộ chữ cổ truyền được cộng đồng sử dụng, được cơ quan chuyên môn xác định hoặc bộ chữ đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn và được coi “là một môn học”, không giới hạn về cấp bậc học, cơ sở giáo dục (phổ thông, giáo dục thường xuyên).

Bên cạnh đó, là các Chỉ thị, Quyết định của Chính phủ về việc dạy tiếng DTTS cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc và miền núi⁷ và hàng loạt những Quyết định, Thông tư hay Thông tư liên Bộ liên quan tới giáo dục tiếng mẹ đẻ cho người DTTS hay cho cán bộ, công chức công tác tại vùng DTTS. Chẳng hạn, các Quyết định của Bộ GD&ĐT ban hành khung đào tạo giáo viên dạy tiếng DTTS (có chữ viết) đối với một số ngôn ngữ dân tộc⁸ hay các Quyết định, Thông tư của Bộ GD&ĐT về chương trình dạy tiếng một số DTTS trong trường phổ thông từ năm 2008 đến nay⁹ cũng như các văn bản quy phạm pháp luật khác ở các bộ, ban, ngành Trung ương hay địa phương¹⁰.

Nói tóm lại, các văn bản về chủ trương của Đảng cũng như chính sách của Nhà nước ta đối với ngôn ngữ các DTTS là hết sức đúng đắn. Các chủ trương,

⁴. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị Quốc gia, Tập 13, tr. 276.

⁵. Trong Điều 15 Hiến pháp 1946 chỉ rõ “ở các trường sơ học địa phương, quốc dân thiểu số có quyền học bằng tiếng của mình”. Hay ở các bộ Luật khác thì tuy cùng chủ trương, chính sách đó nhưng cách diễn đạt lại hơi khác một chút. Tại Điều 2, Điều 4, Luật Phổ cập Giáo dục Tiểu học ngày 12/8/1991: “Các dân tộc thiểu số có quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình cùng với tiếng Việt để thực hiện giáo dục Tiểu học”. Còn tại Mục 2, điều 5, Luật Giáo dục 1998 thì: “Nhà nước tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định của Chính phủ”. Điều 7 Luật Giáo dục năm 2005, số 38/2005/QH11 cũng khẳng định: “Nhà nước tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giúp cho học sinh người dân tộc thiểu số dễ dàng tiếp thu kiến thức khi học tập trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định của Chính phủ”.

⁶. Trong Điều 2 Nghị định 206-CP năm 1961; Mục II Quyết định số 153/QĐ-CP (1969) Về việc xây dựng, cải tiến và sử dụng chữ viết của các dân tộc thiểu số chỉ rõ những việc cụ thể đối với chữ Tây-Nùng, chữ Mèo. Quyết định số 53/QĐ-CP Về chủ trương đối với chữ viết của dân tộc thiểu số chỉ rõ vai trò của tiếng phổ thông và tiếng DTTS. Đồng thời khẳng định: “Ở vùng dân tộc thiểu số, chữ dân tộc được dạy xen kẽ với chữ phổ thông ở cấp I trong các trường phổ thông và bộ túc văn hoá, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học vừa hiểu biết chữ dân tộc, vừa nắm được nhanh chữ phổ thông”. Hoặc tại Thông tư 01/TT-GDDT ngày 03/02/1997 của Bộ GD&ĐT về “Hướng dẫn việc dạy và học tiếng nói và chữ viết DTTS” cũng nêu: “Tiếng dân tộc có thể được dùng làm ngôn ngữ giảng dạy ở các lớp mẫu giáo và dạy như một môn học ở bậc Tiểu học”, hoặc “Thực hiện Luật Phổ cập Giáo dục Tiểu học, trước hết triển khai dạy học môn tiếng dân tộc (bao gồm tiếng nói, chữ viết) trong các trường lớp Mẫu giáo, các trường Tiểu học, các lớp xóa mù chữ và bộ túc văn hóa tại các vùng DTTS...”.

⁷. Đó là các Quyết định: Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 05/03/2003, và Quyết định số 03/2004/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2004 nhằm đưa việc học tiếng dân tộc thiểu số trở thành nhiệm vụ thường xuyên đối với cán bộ, công chức. Ngày 09 tháng 11 năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg Về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.

⁸. Quyết định số 29/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 04/7/2006 Về việc ban hành chương trình tiếng Chăm dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Chăm cho cán bộ công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi; Quyết định số 46/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 04/7/2006 Về việc ban hành chương trình tiếng Khor-me dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Khor-me cho cán bộ công chức công tác ở vùng dân tộc; Quyết định số 37/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/08/2006 Về việc ban hành chương trình tiếng Jrai dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai cho cán bộ công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi; Quyết định số 44/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 23/10/2006 Về việc ban hành chương trình tiếng Hmông cho cán bộ công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi; Thông tư số 36/2012/TT-BGDĐT ngày 24/10/2012 Ban hành quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số;...

⁹. Quyết định số 48/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/8/2007 Về việc ban hành chương trình tiếng Êđê cấp Tiểu học; Quyết định số 48/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/12/2008 Về việc ban hành chương trình tiếng Chăm cấp Tiểu học; Quyết định số 75/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/12/2008 Về việc ban hành chương trình tiếng Hmông cấp Tiểu học; Quyết định số 76/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/08/2008 Về việc ban hành chương trình tiếng Jrai cấp Tiểu học; Quyết định số 77/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/12/2008 Về việc ban hành tạm thời chương trình tiếng Khor-me ở Tiểu học và trung học cơ sở; Thông tư số 23/2012/TT-BGDĐT ngày 27/6/2012 của Bộ GD&ĐT Ban hành Chương trình tiếng M'Nông cấp Tiểu học;...

¹⁰. Đó là Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 28/10/1981 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Gia Lai - Kon Tum về chữ viết các dân tộc trong tỉnh; Quyết định 30/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Gia Lai về chữ viết các dân tộc Gia-rai và Ba-na; Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 09/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Về việc dạy tiếng Êđê trong trường Tiểu học và Trung học cơ sở, giai đoạn 2010 - 2015; Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 05/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk Về việc công nhận và ban hành bộ chữ cái tiếng Êđê; Quyết định số 750/QĐ-SGDĐT ngày 10/12/2010 của Sở GD&ĐT Đắk Lắk Thành lập Ban nghiên cứu đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2010: “Nghiên cứu xây dựng hệ thống bài học bổ trợ môn tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số lớp 1, 2, 3 tại Đắk Lắk;... và rất nhiều Quyết định của UBND các tỉnh: Ninh Thuận, Đắk Nông, Gia Lai - Kon Tum, Gia Lai, Lâm Đồng, Sóc Trăng, Quảng Nam, Bình Trị Thiên, Thừa Thiên Huế, Thuận Hải, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Định, Phú Yên, Hòa Bình, Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Nghệ An,... cũng như các cơ quan công quyền các cấp liên quan đến dạy tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, xây dựng chữ viết cho các DTTS hay dạy tiếng mẹ đẻ cho người DTTS ở các địa phương.

chính sách đó đã góp phần làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất non sông, cũng như góp phần ổn định đất nước trong bối cảnh các thế lực thù địch trong và ngoài nước luôn tìm cách phá hoại khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Tư liệu điều tra ngôn ngữ học xã hội của nhiều công trình, đề tài khoa học các cấp và của đề tài ĐTĐLXH-7/18 “Nghiên cứu hoàn thiện chính sách pháp luật đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số vì sự phát triển bền vững của đất nước” đã chỉ rõ: Năng lực tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ của các DTTS được nâng lên rõ rệt.

3. Một số vấn đề đặt ra trong thực thi chính sách đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số

3.1. Vấn đề thực thi chính sách đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số

Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với ngôn ngữ DTTS là hết sức đúng đắn, kịp thời và chính xác. Tuy nhiên trên thực tế việc thực thi chính sách ngôn ngữ dân tộc còn nhiều bất cập: Cuộc sống của đồng bào các DTTS (nhất là ở vùng cao biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ Cách mạng và kháng chiến cũ) còn nhiều khó khăn. Đời sống tinh thần còn nghèo nàn, dân trí thấp, chất lượng hiệu quả công tác giáo dục, văn hoá, thông tin,... bằng ngôn ngữ DTTS chưa cao. Nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém trên có cả lí do khách quan và chủ quan. Đó là việc chúng ta chưa nhận thức đầy đủ về đặc điểm cảnh huống ngôn ngữ ở Việt Nam, đặc biệt là sự phân bố các ngôn ngữ - tộc người trên cả nước khi ban hành Quyết định số 53-CP ngày 22/2/1980 của Hội đồng Chính phủ về chủ trương đối với chữ viết của các DTTS; hoặc một số cơ chế và chính sách chưa phù hợp, nhất là khâu tổ chức thực hiện. Nhiều cơ quan, ban ngành ở Trung ương cũng như các cấp ở địa phương thường có tình trạng tùy tiện, ngẫu hứng, tự phát. Việc thực hiện hay không thực hiện, triển khai đến đâu và ra sao lại tùy thuộc vào nhận thức chủ quan của các cấp lãnh đạo Đảng và Chính quyền cũng như vào ý thức, thái độ, tình cảm của đồng bào các dân tộc ở từng địa phương

3.2. Về Quyết định số 53-CP, ngày 22/2/1980 của Hội đồng Chính phủ về chủ trương đối với chữ viết của các dân tộc thiểu số

Mục III: Tổ chức thực hiện của Quyết định số 53/QĐ-CP giao quyền quá lớn cho UBND các tỉnh: “Ủy ban nhân dân các tỉnh,.... có trách nhiệm:..... Quyết định các phương án cải tiến hoặc xây dựng mới các chữ dân tộc thiểu số trong tỉnh”. Điều này đã gây nên tình trạng “mạnh ai nấy làm” và “tự duy nhiệm kì” trong việc xây dựng, chỉnh lí, cải tiến, sử dụng chữ viết DTTS ở các địa phương, gây nên tình trạng tồn kém ngân sách, gây khó khăn cho việc giáo dục tiếng mẹ đẻ đối với các DTTS. Không ít tỉnh gặp khó khăn trong việc ứng xử với các bộ chữ viết dân tộc đã được chế tác, cải tiến thiếu khoa học và đơn lẻ của nhiều địa phương. Điều này gây khó khăn đối với công tác quản lí nhà nước về vấn đề dân tộc và ngôn ngữ dân tộc, có thể ảnh hưởng tới sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ một dân tộc và khối đại đoàn kết quốc gia dân tộc. Nguyên nhân của việc này là giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyền “Quyết định các phương án cải tiến hoặc xây dựng mới các chữ dân tộc thiểu số trong tỉnh” trong khi những cơ quan tư vấn chính sách không có đủ tư liệu về cảnh huống ngôn ngữ ở Việt Nam, đặc biệt là sự phân bố ngôn ngữ - tộc người. Thực tế một dân tộc ở nước ta có thể cư trú tập trung ở nhiều tỉnh khác nhau mà theo Quyết định số 53/1980/QĐ-CP thì mỗi tỉnh có quyết định riêng về xây dựng chữ viết cho dân tộc trong tỉnh. Như thế sẽ dẫn đến bất cập trong việc thống nhất chung 1 dạng chữ viết cho 1 dân tộc ở các tỉnh khác nhau. Do đó, cần giao nhiệm vụ này cho 1 cơ quan Trung ương thống nhất chung về chữ viết của 1 dân tộc trong cả nước.

4. Kết luận

Các văn bản về chủ trương của Đảng (từ năm 1930), chính sách của Nhà nước ta (từ năm 1945) đối với ngôn ngữ các DTTS là vô cùng đúng đắn. Các chủ trương, chính sách này đã góp phần không nhỏ vào việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Chính các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với ngôn ngữ DTTS cũng đã góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Khánh Thế (2002), *Ngôn ngữ và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, trong “Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam từ những năm 90”. Thông tin Khoa học xã hội – chuyên đề.
- Đoàn Văn Phúc (2010), *Quyết định 53/CP với việc bảo tồn ngôn ngữ và chữ viết các dân tộc thiểu số trong thời kì mới*, Ngôn ngữ, Số 9.

- Đoàn Văn Phúc (2015), *Cần làm gì khi một dân tộc thiểu số có quá nhiều bộ chữ viết (trường hợp người Thái)*, trong “Cộng đồng Thái - Kadai Việt Nam, những vấn đề phát triển bền vững”, Nxb. Thế giới.
- Đoàn Văn Phúc (2015), *Nghiên cứu ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong 30 năm qua*, Báo cáo khoa học hội thảo khoa học quốc tế 2015, Ngôn ngữ, Số 8 + 9.

- Đoàn Văn Phúc (2018), *Tác động của chính sách đối với ngôn ngữ dân tộc tới giáo dục tiếng mẹ đẻ cho học sinh Gia-rai và Ba-na ở Gia Lai*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Ngôn ngữ học Việt Nam – những chặng đường phát triển và hội nhập quốc tế”, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Đà Nẵng.
- Đoàn Văn Phúc (2018), *Đánh giá các văn bản, chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan tới ngôn ngữ dân tộc thiểu số (đặc biệt sau Quyết định 53/CP)*, Kỷ yếu Hội thảo “Chính sách của Đảng, Nhà nước và việc thực thi chính sách đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, Hà Nội.
- Hoàng Văn Ma (1993), *Vấn đề tiếng và chữ Tày Nùng*, trong “Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam”, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Hồng Giao (1970), *Bước đầu tìm hiểu một số chủ trương của Đảng đối với các ngôn ngữ, chữ viết ở Việt Nam*, Ngôn ngữ, số 1.
- Hoàng Văn Hành (1995), *Nhìn lại chính sách ngôn ngữ của Đảng và Nhà nước ta 50 năm qua*, Ngôn ngữ, Số 4. Lục Văn Páo (1993), *Những chặng đường nóng bỏng của các chính sách ngôn ngữ Việt Nam vừa qua*, trong “Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam”, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Lê Quang Trường (2018), *Tác động của chính sách ngôn ngữ tới các cơ quan và người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk*, luận văn cao học, ĐH Tây Nguyên.
- Lê Quang Trường, Đoàn Văn Phúc (2018), *Tác động tích cực của chính sách đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số tới giáo dục tiếng mẹ đẻ cho học sinh Ê-đê ở Đắk Lắk*, Ngôn ngữ.
- Nguyễn Minh Hoạt, Đinh Thị Hằng & Đoàn Văn Phúc (2018), *Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số từ năm 1945 đến nay*, Kỷ yếu Hội thảo “Chính sách của Đảng, Nhà nước và việc thực thi chính sách đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Khang (2014), *Chính sách ngôn ngữ và lập pháp ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Lộc (chủ biên, 2010), *Nghiên cứu bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, văn hóa một số dân tộc thiểu số ở Việt Bắc*, Nxb. ĐH Thái Nguyên.
- Nguyễn Văn Lợi (2000), *Một số vấn đề về chính sách ngôn ngữ ở các quốc gia đa dân tộc*, Ngôn ngữ, Số 1.
- Nguyễn Đức Tồn (chủ biên, 2016), *Mấy vấn đề về cảnh huống và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Như Ý (1985), *Tính quy định chính trị của chính sách ngôn ngữ*, Ngôn ngữ, Số 4.
- Nguyễn Như Ý (1988), *Chính sách ngôn ngữ. Chính sách đối với ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, trong “Những vấn đề ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á”, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Như Ý (1993), *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, trong “Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam”, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Trần Trí Dõi (2011), *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ vùng dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Colin Baker (2008), *Những cơ sở của giáo dục song ngữ và vấn đề song ngữ*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Kimmo Kosonen (2004), *Ngôn ngữ trong giáo dục: Chính sách và thực tiễn ở Việt Nam*, UNICEF, Hà Nội.
- Kimmo Kosonen (2005), *Vai trò của ngôn ngữ trong học tập: Nghiên cứu quốc tế nói gì về vấn đề này ?* trong “Tiếng mẹ đẻ trước tiên: Chương trình xóa mù chữ dựa vào cộng đồng cho các cảnh huống ngôn ngữ thiểu số ở châu Á”, Bản in tiếng Việt tại Việt Nam của Văn phòng Unesco Hà Nội, 2007. Các văn bản của Đảng, Nhà nước về/liên quan đến vấn đề ngôn ngữ dân tộc thiểu số (từ 1930 đến nay).
- Các văn bản của các cấp, các ngành ở trung ương về/ liên quan đến vấn đề ngôn ngữ dân tộc thiểu số.
- Các văn bản của các cấp, các ngành ở các địa phương trên toàn quốc về/ liên quan đến vấn đề ngôn ngữ dân tộc thiểu số.
- Sở Giáo dục Khu tự trị Tây Bắc (1969), *Mác, Lênin, Stalin và các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước ta đối với vấn đề tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số*.
- Trung tâm nghiên cứu giáo dục dân tộc (2004), *Thực trạng dạy học tiếng dân tộc và tiếng Việt ở Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu “Chính sách, chiến lược sử dụng và dạy – học tiếng dân tộc, tiếng Việt”, Hà Nội.
- Ủy ban Dân tộc (2006), *Tài liệu Hội nghị Tổng kết công tác bảo tồn và phát huy tiếng nói chữ viết các dân tộc thiểu số*, tháng 11.

Viện Ngôn ngữ học (2001), *Chính sách của Nhà nước CHXHCN Việt Nam trong lĩnh vực ngôn ngữ - Những cơ sở khoa học*, Đề tài khoa học độc lập cấp Nhà nước, đã nghiệm thu năm 2001.

Viện Ngôn ngữ học (2002), *Cánh hướng và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Viện Ngôn ngữ học (2009), *Chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về ngôn ngữ trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế* (ki yếu hội thảo ngôn ngữ học toàn quốc).

Viện Ngôn ngữ học (2013), *Vấn đề giáo dục tiếng mẹ đẻ đối với cư dân sử dụng các ngôn ngữ nhóm Chăm ở Việt Nam hiện nay (trường hợp tiếng Ê đê)*, Đề tài cấp Bộ (2011 - 2012), Chủ nhiệm đề tài: Đoàn Văn Phúc, Đã nghiệm thu 3/2013.

Viện Ngôn ngữ học (2015), *Vấn đề giáo dục tiếng mẹ đẻ đối với cư dân sử dụng một số ngôn ngữ tiểu nhóm Chăm (Gia rai, Ra glai, Chu ru) ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, giải pháp, kiến nghị*, Đề tài cấp Bộ (2013 - 2014), Chủ nhiệm đề tài: Đoàn Văn Phúc, Đã nghiệm thu 3/2015.

Viện Ngôn ngữ học (2018), Kỷ yếu Hội thảo “Chính sách của Đảng, Nhà nước và việc thực thi chính sách đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, của Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia: ĐTĐLXH – 07/18.

Viện Ngôn ngữ học & Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga (2008), *Chức năng của các ngôn ngữ quốc gia đa dân tộc: Trường hợp Nga và Việt Nam*. Moskva (tiếng Nga).

UNESCO (2005), *First language first: Community based literacy programs for minority contexts in Asia*, UNESCO Asia and Pacific Regional Bureau for Education, Bangkok. Viện Ngôn ngữ học (1993), *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

VIEWPOINTS, SUBJECT OF PARTY, POLICY OF VIETNAMESE STATE FOR ETHNIC MINORITY LANGUAGES FROM 1930 TO NOW

Đoan Van Phuc^a

Đinh Thi Hang^b, Nguyen Minh Hoat^c

^a Vietnam Institute of Linguistics

Email: phuc_1952@hotmail.com

^b Vietnam Institute of Linguistics

Email: xuongrong88@gmail.com

^c Tay Nguyen University

Email: minh.hoat163@gmail.com

Received: 24/4/2019

Reviewed: 8/5/2019

Revised: 12/5/2019

Accepted: 15/5/2019

Released: 21/6/2019

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/296>

Abstract: This article systematizing guidelines, policies of the Party (since 1930) and the Government (since 1945) of Vietnam on ethnic minority languages. Principle contents of the guidelines and policies are represented by legislatively recognizing and guaranteeing the right to have their own language of all ethnics in Vietnam as well as teaching ethnic minority languages in school and other educational entities at all level in parallel with national language (Vietnamese). This article also puts forward some issues on the current implementation of Decision No 53/CP.

Keywords: Language policy; Language education; Bilingual education; mother tongue education; Ethnic minority languages